TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 39/2024/QĐST - K,	*ngày 24 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST-KDTM ngày 21/3/2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Đ (B).

Địa chỉ: T, A T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tiến P – Chức vụ: Giám đốc – Người đứng đầu Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh P1.

Người được ủy quyền lại: ông Phạm Văn S – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân, Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh P1. (theo quyết định số 778/QĐ-BIDV.PD ngày 09/07/2024)

- *Bị đơn:* bà Trần Thị X, sinh năm 1974

Trú tại: xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ thanh toán:

Bà Trần Thị X có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/19276866/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm

2023 tính đến ngày 16/09/2024 là 1.488.178.768 đồng (*một tỷ bốn trăm tám mươi tám triệu một trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng*), trong đó tiền tiền gốc là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) và 188.178.768 đồng tiền lãi (*một trăm tám mươi tám triệu một trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng*).

Kể từ ngày 17/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/19276866/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2023.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kì của ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2.2. Về xử lý tài sản bảo đảm:

Trong trường hợp nếu bà Trần Thị X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng 01/2023/19276866/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2023 thì Ngân hàng TMCP Đ (B) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng 217.6m^2 đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 314, tờ bản đồ số 68 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 379355 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp cho bà Trần Thị X, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2023/19276866/HĐBĐ ngày 09/01/2023.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ của bà Trần Thị X theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/19276866/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2023 thì bà Trần Thị X có nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Đ (B). Sau khi bị đơn trả nợ xong số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng 01/2023/19276866/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2023 thì Ngân hàng phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nhận thế chấp cho bà Trần Thị X.

2.3. Án phí:

- Bà Trần Thị X thỏa thuận chịu 28.323.000 đồng *(hai mươi tám triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ (B) số tiền tạm ứng án phí là 26.324.945 đồng (*hai mươi sáu triệu ba trăm hai mươi tư nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng)* đã nộp

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011303 ngày 20/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND huyện Diễn Châu;
- THA Dân sự huyện Diễn Châu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Đương sự.

Võ Thị Kim Dung